

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG  
TỔ LỊCH SỬ – ĐỊA LÍ – GIÁO DỤC KT & PL

NỘI DUNG ÔN TẬP  
KIỂM TRA ĐỊA LÍ KHỐI 10 CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2025 - 2026

**A. NỘI DUNG LÝ THUYẾT**

**CHỦ ĐỀ: THỦY QUYỀN  
THỦY QUYỀN, NƯỚC TRÊN LỤC ĐỊA**

**1. Khái niệm thủy quyền**

- Là lớp nước bao quanh bề mặt Trái Đất, phân bố trong các biển, đại dương; trên lục địa, trong các lớp đất đá, trong khí quyển và cả trong cơ thể sinh vật.
  - Nước trong đại dương, nước băng tuyết giữ ổn định nhiệt độ của bề mặt Trái Đất.
  - Nước trên Trái Đất phân bố chủ yếu đại dương (nước mặn).
- *Nước là vật chất tiên quyết để sự sống phát sinh và phát triển trên Trái Đất.*

**2. Nước trên lục địa**

**a. Các nhân tố ảnh hưởng đến chế độ nước sông**

- Sông được cung cấp nước bởi 2 nguồn chính: Nước ngầm và nước trên mặt (nước mưa và nước băng tuyết tan).
- Nước ngầm: nguồn cung cấp nước ít biến động, có vai trò điều tiết nước trong năm.
- Nước mặt:
  - + Nguồn cung cấp nước cho các con sông trong vùng khí hậu nóng, địa hình thấp chủ yếu từ nước mưa.
  - + Nguồn cung cấp nước cho các con sông ở vùng ôn đới, cận cực, vĩ độ cao chủ yếu từ băng tuyết tan.

→ *Chế độ nước sông phụ thuộc chế độ mưa và băng tuyết tan.*

→ *Tùy vào nguồn cung cấp nước mà mỗi năm có một hoặc nhiều mùa lũ và mùa cạn.*

- Ảnh hưởng của đặc điểm bề mặt lưu vực:

+ *Địa hình:* Độ dốc địa hình làm tăng cường độ tập trung lũ: miền núi - địa hình dốc, mức độ tập trung lũ nhanh (lũ dữ - miền Trung Việt Nam); đồng bằng - địa hình bằng phẳng, mức độ tập trung lũ chậm (lũ hiền - ĐBSCL); sườn đón gió và khuất gió cũng có chế độ nước và mức độ trung lũ khác nhau.

+ *Hồ đầm và thực vật:* Điều tiết, điều hoà dòng chảy, làm giảm thiệt hại từ lũ. Tìm hiểu vai trò của hồ Tonlesap với ĐBSCL.

+ *Sự phân bố và số lượng phụ lưu, chi lưu:* tùy vào mật phân bố của các phụ lưu mà ảnh hưởng đến tình trạng xảy ra lũ: lũ kéo dài, lũ không quá cao hoặc lũ chồng lũ. Sông có nhiều hệ thống chi lưu sẽ thoát nước tốt và ngược lại.

**b. Hồ**

- Gồm các loại: Hồ núi lửa, hồ kiến tạo, hồ móng ngựa, hồ băng hà, hồ nhân tạo. Liên hệ thực tế, cho ví dụ một số loại hồ theo từng loại.

**c. Nước băng tuyết**

- Tuyết là trạng thái mưa xộp khi nhiệt độ xuống dưới 0°C.
- Phân bố băng tuyết: vùng hàn đới, ôn đới và trên các vùng núi cao, tập trung chủ yếu ở vùng cực Bắc và cực Nam.

**d. Nước ngầm**

- Do nước trên mặt (nước mưa, băng tuyết tan, sông, hồ) thấm xuống.
- Có vai trò quan trọng trong sinh hoạt và sản xuất của con người, điều hòa chế độ nước sông, cố định đất đá chống sụt lún.

**e. Giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt**

- Sử dụng nguồn nước ngọt hiệu quả, tiết kiệm và tránh lãng phí.
- Giữ sạch nguồn nước, tránh ô nhiễm nguồn nước ngọt.
- Phân phối lại nguồn nước ngọt trên thế giới...

**NƯỚC BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG****1. Tính chất của nước biển và đại dương****- Độ muối:**

- + Nước biển có nhiều chất hòa tan, nhiều nhất là các muối khoáng.
- + Độ muối trung bình của nước biển là 35‰.
- + Độ muối phụ thuộc vào: Lượng bốc hơi, lượng mưa và lượng nước sông đổ vào.
- + Thay đổi theo vĩ độ: Độ muối thấp nhất ở vùng gần cực và cao nhất ở chí tuyến.
- + Thay đổi theo độ sâu: Càng xuống sâu nhiệt độ nước biển càng giảm.

**- Nhiệt độ:**

- + Nhiệt độ trung bình bề mặt của toàn bộ đại dương ~17°C.
- + Nhiệt độ nước biển trung bình ở đới lạnh thường dưới 1°C.
- + Nhiệt độ nước biển thay đổi theo mùa trong năm, phụ thuộc vào nhiệt độ không khí và giảm dần từ Xích đạo về 2 cực.

**2. Sóng, thủy triều và dòng biển****a. Sóng biển**

- + Là hình thức dao động của nước biển theo chiều thẳng đứng.
- + Nguyên nhân: chủ yếu do gió, gió càng mạnh sóng càng to (tác nhân trên mặt nước).
- + Sóng thần: Do động đất, núi lửa phun ngầm dưới đáy biển gây ra (tác nhân dưới mặt nước), ngoài ra còn có bão, siêu bão gây nên.

**b. Thủy triều**

- Là hiện tượng nước biển dâng cao và hạ thấp, có chu kì theo ngày của các khối nước trong biển và đại dương.
- Nguyên nhân hình thành: chủ yếu do lực hấp dẫn của Mặt Trăng và Mặt Trời, cùng với lực li tâm của Trái Đất.
- Hiện tượng nhật triều: trong ngày có 1 lần nước dâng lên và rút xuống.
- Hiện tượng bán nhật triều: trong ngày có 2 lần nước dâng lên và rút xuống (Việt Nam và các khu vực gần xích đạo).

Hiện tượng	Vị trí 3 thiên thể	Quan sát Mặt Trăng
Triều cường	Thẳng hàng	Trăng tròn (Rằm); Không trăng (cuối, đầu tháng âm lịch)
Triều kém	Vuông góc	Trăng khuyết

- Ảnh hưởng của thủy triều:

- Lợi ích:

- + Cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt.
- + Bồi đắp phù sa màu mỡ cho các đồng bằng.
- + Có giá trị về thủy điện và thủy lợi.
- + Giao thông vận tải và du lịch.
- + Cải tạo môi trường nước.
- + Nuôi trồng đánh bắt thủy, hải sản.
- + Chu kỳ sinh sản của nhiều loài động vật.

- Tác hại:

- + Triều cường dâng cao gây ngập úng, xâm nhập mặn.
- + Thủy triều đỏ (được biết là hiện tượng “nước nở hoa”) làm cho sinh vật dưới

nước chết hàng loạt.

### c. Dòng biển

- Là các dòng nước chảy trong biển và đại dương.

- Nguyên nhân hình thành: do ảnh hưởng các loại gió thổi thường xuyên hoặc theo mùa; do sự chênh lệch nhiệt độ, độ muối, đóng băng hoặc tan băng mà hình thành động lực của các dòng nước.

- Có 2 loại: dòng biển nóng và dòng biển lạnh.

- + Dòng biển nóng phát sinh ở 2 bên xích đạo chảy về vùng vĩ độ cao.
- + Dòng biển lạnh xuất phát từ khoảng vĩ độ cao chảy về vùng vĩ độ thấp.
- + Các dòng biển nóng và lạnh đối xứng nhau qua các đại dương.
- + BBC: chảy cùng chiều kim đồng hồ; NBC: chảy ngược chiều kim đồng hồ.

### 2. Vai trò của biển và đại dương đối với sự phát triển kinh tế - xã hội

- Cung cấp nguồn tài nguyên quý giá: sinh vật, khoáng sản biển và năng lượng.
- Là môi trường để đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, phát triển GTVT và du lịch biển,...
- Giúp điều hòa khí hậu, đảm bảo sự đa dạng sinh học
- Tuy nhiên, tài nguyên biển là có hạn (không thể tái tạo), con người cần khai thác đi đôi với bảo tồn, phát triển bền vững.

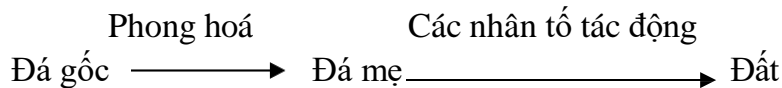
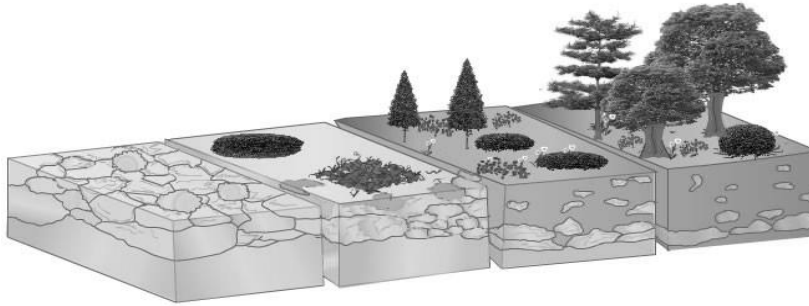
## CHỦ ĐỀ: SINH QUYỀN ĐẤT TRÊN TRÁI ĐẤT

Đất (thổ nhưỡng) là một trong những thành phần cấu tạo nên vỏ Trái Đất. Đất có vai trò quan trọng đối với sự sống, là nền tảng cho hầu hết các loài thực vật tồn tại và phát triển.

### 1. Khái niệm đất và vỏ phong hoá

- Đất: là lớp vật chất tối xốp ở bề mặt lục địa, đảo đặc trưng bởi độ phì.

- Độ phì: khả năng cung cấp nước, nhiệt, khí và các chất dinh dưỡng cần thiết cho thực vật sinh trưởng và phát triển.



Sản phẩm phong hoá của đá gốc gọi là vỏ phong hoá, là phần trên cùng của vỏ Trái Đất (vỏ lục địa), chịu tác động của nhiều yếu tố bên ngoài, có cấu trúc phân tầng theo chiều thẳng đứng (phần diện của đất).

## 2. Các nhân tố hình thành đất

Có 5 nhân tố tác động trực tiếp, đồng thời trong quá trình hình thành đất:

1. Đá mẹ    2. Khí hậu    3. Sinh vật    4. Địa hình    5. Thời gian và nhân tố con người.

→ Tùy vào điều kiện hình thành, cường độ tác động của các nhân tố mạnh hay yếu → hình thành các loại đất khác nhau trên Trái Đất.

### 2.1. Đá mẹ

- Sản phẩm của sự phá huỷ đá gốc (nham thạch) → đá mẹ.

- Đá mẹ là nhân tố **khởi đầu** của quá trình hình thành các loại đất, là nguồn cung cấp vật chất **vô cơ**, quyết định thành phần khoáng vật, cơ giới và đặc tính của đất.

### 2.2. Khí hậu

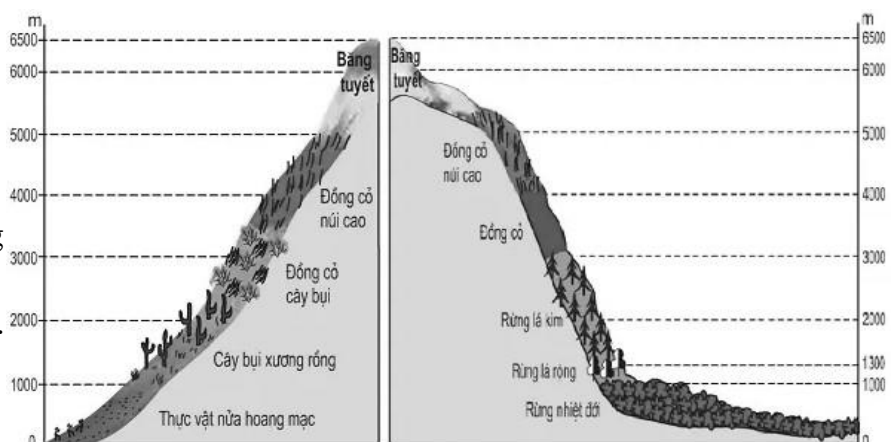
- Có vai trò rất **quan trọng** trong quá trình hình thành đất.

- Ảnh hưởng **trực tiếp** đến sự hình thành đất thông qua yếu tố nhiệt độ và độ ẩm (phong hoá lý học + hoá học → làm biến đổi sâu sắc đá mẹ).

- Ảnh hưởng **gián tiếp** đến sự hình thành đất thông qua lớp phủ thực vật (phong hoá sinh học → hạn chế nước rơi, chống rửa trôi, xói mòn, mất nước, không chế bức xạ, phá huỷ đá).

### 2.3. Địa hình

- Vùng núi cao, nhiệt độ thấp → hình thành đất chậm và



ngược lại

- Địa hình dốc, đất dễ bị rửa trôi, xói mòn → tầng đất mỏng.
- Địa hình bằng phẳng, quá trình bồi tụ nhanh → tầng đất dày và giàu dinh dưỡng.
- Địa hình làm thay đổi khí hậu (nhiệt + ẩm) theo độ cao, hướng phơi của sườn núi → hình thành các vành đai đất khác nhau theo độ cao và theo hướng phơi của sườn núi.

## 2.4. Sinh vật

- Đóng vai trò **chủ đạo** trong sự hình thành đất, sự tuần hoàn của sinh vật cung cấp vật chất **hữu cơ** cho đất.
- Cụ thể: sự phá huỷ đá của rễ cây, vi sinh vật phân giải xác sinh vật tổng hợp thành mùn, sinh vật sống trong đất làm thay đổi tính chất của đất,...

## 2.5. Thời gian

- Thời gian hình thành đất gọi là tuổi của đất.
- Tuổi của đất biểu thị cho thời gian, cường độ tác động của các quá trình hình thành đất.
- Cụ thể: vùng cực → tuổi của đất trẻ; vùng khí hậu nóng → tuổi của đất già.

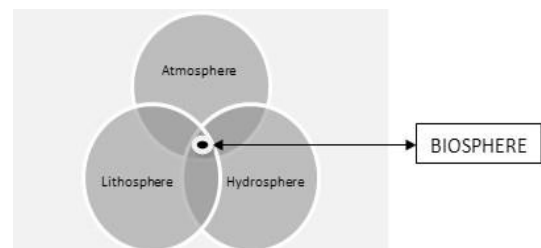
## 2.6. Con người

- Học sinh liên hệ thực tế sự tác động tích cực và tiêu cực của con người đối với đất:
- Phân tích hình 14.2/SGK

# SINH QUYỀN

## 1. Khái niệm

- Sinh quyền là một quyền của Trái Đất, trong đó có tất cả các sinh vật sinh sống.
- Chiều dày của sinh quyền tùy thuộc giới hạn phân bố của sinh vật:
  - + Giới hạn phía trên: nơi tiếp giáp với tầng O3 của khí quyển (khoảng 22 km).
  - + Giới hạn phía dưới:
    - . Đại dương: xuống tận đáy đại dương (> 11km).
    - . Lục địa: xuống dưới đáy của lớp vỏ phong hóa.
- Giới hạn của sinh quyền: toàn bộ thủy quyển, phần thấp của khí quyển, phần trên của thạch quyển (lớp phủ thổ nhưỡng và lớp vỏ phong hóa).



## 2. Đặc điểm

- Khối lượng vật chất của sinh quyền nhỏ hơn nhiều so với các quyền khác của Trái Đất.
- Sinh quyền có khả năng tích lũy năng lượng (tổng hợp vật chất hữu cơ từ vật chất vô cơ)
  - chuyển hoá năng lượng trong quá trình dinh dưỡng (chuỗi thức ăn).
- Sinh quyền có mối quan hệ mật thiết với các quyền khác của Trái Đất.

## 3. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật

**3.1. Khí hậu:** ảnh hưởng trực tiếp đến sự phân bố và phát triển của sinh vật qua các yếu tố: nhiệt độ, nước và độ ẩm, ánh sáng.

+ **Nhiệt độ:** mỗi loài thích nghi với một giới hạn nhiệt nhất định (loài ưa nhiệt phân bố ở nhiệt đới, xích đạo; loài chịu lạnh phân bố ở vĩ độ cao và vùng núi cao). → Nơi có nhiệt độ thích hợp sinh vật sẽ phát triển nhanh và thuận lợi.

+ **Nước và độ ẩm không khí:** những nơi có điều kiện nhiệt, ẩm và nước thuận lợi là những môi trường tốt để sinh vật phát triển.

+ **Ánh sáng:** quyết định đến quá trình quang hợp của cây xanh, ảnh hưởng đến sự phân bố của các loài cây ưa sáng và ưa bóng.

**3.2. Đất:** Các đặc tính lý, hóa và độ phì của đất ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của thực vật → tác động đến sự phân bố của động vật. “Đất nào cây ấy”

- . Đất mặn: cây đước, sù, mắm,...
- . Đất phèn: cây tràm, bạch đàn,...
- . Đất feralit: cây công nghiệp, loài cây lá rộng.
- . Đất phù sa: cây lương thực, rau màu,...

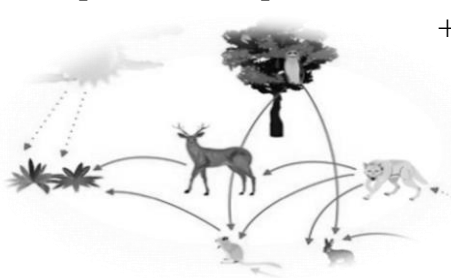
**3.3. Địa hình:** độ cao và hướng phơi sườn núi ảnh hưởng tới sự phân bố thực vật ở vùng núi.

Do sự khác biệt về chế độ nhiệt, ẩm và cường độ chiếu sáng → ảnh hưởng đến độ cao xuất hiện và kết thúc của các vành đai thực vật.

**3.4. Sinh vật:**

- Nhân tố sinh học quyết định đến sự phát triển và phân bố của động vật là thức ăn.

+ Động vật có quan hệ với thực vật về nơi cư trú và nguồn thức ăn, do đó thực vật có ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của động vật.



+ Nhiều loài động vật ăn thực vật là thức ăn của động vật ăn thịt, vì vậy các loài động vật ăn thực vật và động vật ăn thịt phải cùng sống trong một môi trường sinh thái nhất định.

**3.5. Con người:** có ảnh hưởng lớn đối với sự phát triển và phân bố sinh vật.

+ Tích cực: làm thay đổi phạm vi phân bố của nhiều loài cây trồng, vật nuôi; việc trồng rừng làm mở rộng diện tích rừng.

+ Tiêu cực: đã và đang gây nên sự thu hẹp của diện tích rừng tự nhiên, làm mất nơi sinh sống và làm tuyệt chủng nhiều loài động thực vật hoang dã.

## B. KỸ NĂNG

- Vẽ biểu đồ; nhận xét và giải thích.
- Xử lí, nhận xét bảng số liệu.
- Nhận dạng biểu đồ thích hợp.

## C. HÌNH THỨC

- Tỷ lệ năng lực nhận thức: 40% Biết – 30% Hiểu – 30% Vận dụng.
- Kiểm tra trên giấy: Trắc nghiệm nhiều lựa chọn, trắc nghiệm Đúng/Sai: 8,0 điểm (32 câu); Tự luận 2,0 điểm (02 câu).
- Thời gian làm bài: 45 phút.

\* Học sinh chuẩn bị đầy đủ dụng cụ học tập (bút chì, bút bi, máy tính...) khi làm bài kiểm tra; ghi và tô đúng số báo danh, mã đề; ghi thông tin trên phiếu làm bài theo sự hướng dẫn của cán bộ coi kiểm tra.

## D. CÂU HỎI THAM KHẢO

### 1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn

#### \* Nhận biết

**Câu 1.** Thuỷ quyển là lớp nước trên Trái Đất bao gồm nước ở

- A. biển, đại dương; nước ngầm; băng tuyết; nước sông, suối, hồ.
- B. biển, đại dương; nước trên lục địa; hơi nước trong khí quyển,
- C. sông, suối, hồ; nước ngầm; nước trong các biển và đại dương.
- D. sông, suối, hồ; băng tuyết; nước trong các đại dương, hơi nước.

**Câu 2.** Nước trên lục địa gồm nước ở

- A. trên mặt, nước ngầm.
- B. trên mặt, hơi nước.
- C. nước ngầm, hơi nước.
- D. băng tuyết, sông, hồ.

**Câu 3.** Nước băng tuyết ở thể nào sau đây?

- A. Rắn.
- B. Lỏng.
- C. Hơi.
- D. Khí.

**Câu 4.** Nguồn gốc hình thành băng là do

- A. nhiệt độ hạ thấp ở những nơi núi cao có nguồn nước ngọt.
- B. tuyết rơi trong thời gian dài, nhiệt độ thấp không ổn định.
- C. tuyết rơi ở nhiệt độ thấp, tích tụ và nén chặt thời gian dài.
- D. nước ngọt gặp nhiệt độ rất thấp, tích tụ trong nhiều năm.

**Câu 5.** Băng hà có tác dụng chính trong việc

- A. dự trữ nguồn nước ngọt.
- B. điều hoà khí hậu.
- C. hạ thấp mực nước biển.
- D. nâng độ cao địa hình.

**Câu 6.** Nước ngầm được gọi là

- A. kho nước mặn của Trái Đất.
- B. nền tảng nâng đỡ địa hình.
- C. nguồn gốc của sông suối.
- D. kho nước ngọt của Trái Đất.

**Câu 7.** Nguồn nước ngầm **không** phụ thuộc vào

- A. nguồn cung cấp nước mặt.
- B. khối lượng lớn nước biển.
- C. đặc điểm bề mặt địa hình.
- D. sự thấm nước của đất đá.

**Câu 8.** Nguồn cung cấp nước ngầm **không** phải là

- A. nước mưa.
- B. băng tuyết.
- C. nước trên mặt.
- D. nước ở biển.

**Câu 9.** Giải pháp nào sau đây được xem là quan trọng hàng đầu trong bảo vệ nguồn nước ngọt trên Trái Đất?

- A. Nâng cao sự nhận thức.
- B. Sử dụng nước tiết kiệm.
- C. Giữ sạch nguồn nước.
- D. Xử phạt, khen thưởng.

**Câu 10.** Ngày Nước Thế giới hàng năm là

- A. 21/1.
- B. 22/3.
- C. 23/3.
- D. 24/4.

**Câu 11.** Độ muối trung bình của nước biển là

A. 33 %<sub>0</sub>.                      B. 34 %<sub>0</sub>.                      C. 35%<sub>0</sub>.                      D. 36%<sub>0</sub>.

**Câu 12.** Độ muối của nước biển **không** phụ thuộc vào

- A. lượng mưa.                      B. lượng bốc hơi.  
C. lượng nước ở các hồ đầm.                      D. lượng nước sông chảy ra.

**Câu 13.** Độ muối nước biển lớn nhất ở vùng

- A. xích đạo.                      B. chí tuyến.                      C. cực.                      D. ôn đới.

**Câu 14.** Phát biểu nào sau đây đúng về mối quan hệ giữa độ muối và khối lượng riêng của nước biển?

- A. Độ mặn càng nhỏ thì khối lượng riêng càng lớn.  
B. Độ mặn càng lớn thì khối lượng riêng càng nhỏ.  
C. Độ mặn càng lớn thì khối lượng riêng càng lớn.  
D. Độ mặn càng nhỏ thì khối lượng riêng rất lớn.

**Câu 15.** Nhiệt độ trung bình của đại dương thế giới là

- A. 15,5°C.                      B. 16,5°C.                      C. 17,5°C.                      D. 18,5°C.

**Câu 16.** Càng xuống sâu, nhiệt độ nước biển càng

- A. thấp.                      B. cao.                      C. tăng.                      D. không thay đổi.

**Câu 17.** Nhiệt độ nước biển phụ thuộc vào nhiệt độ của

- A. không khí.                      B. đất liền.                      C. đáy biển.                      D. bờ biển.

**Câu 18.** Phát biểu nào sau đây đúng về sự thay đổi nhiệt độ nước biển theo thời gian?

- A. Mùa đông có nhiệt độ cao hơn mùa thu.                      B. Ban ngày có nhiệt độ thấp hơn ban đêm.  
C. Ban trưa có nhiệt độ thấp hơn ban chiều.                      D. Mùa hạ có nhiệt độ cao hơn mùa đông.

**Câu 19.** Hình thức dao động của sóng biển là theo chiều

- A. thẳng đứng.                      B. xoay tròn.                      C. chiều ngang.                      D. xô vào bờ.

**Câu 20.** Nguyên nhân chủ yếu tạo nên sóng biển là do

- A. mưa.                      B. núi lửa.                      C. động đất.                      D. gió.

**Câu 21.** Đặc trưng của đất (thổ nhưỡng) là

- A. toi xốp.                      B. độ phì.                      C. độ ẩm.                      D. vụn bở.

**Câu 22.** Đất (thổ nhưỡng) là lớp vật chất

- A. toi xốp ở bề mặt lục địa.                      B. rắn ở bề mặt vỏ Trái Đất.  
C. mềm bở ở bề mặt lục địa.                      D. vụn ở bề mặt vỏ Trái Đất.

**Câu 23.** Độ phì của đất là khả năng cung cấp nước, nhiệt, khí và các chất dinh dưỡng cần thiết cho

- A. sinh vật.                      B. động vật.                      C. thực vật.                      D. vi sinh vật.

**Câu 24.** Thứ tự từ bề mặt đất xuống sâu là

- A. lớp vỏ phong hoá, lớp phủ thổ nhưỡng, đá gốc.  
B. lớp phủ thổ nhưỡng, lớp vỏ phong hoá, đá gốc.  
C. đá gốc, lớp vỏ phong hoá, lớp phủ thổ nhưỡng.  
D. đá gốc, lớp phủ thổ nhưỡng, lớp vỏ phong hoá.

**Câu 25.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về vai trò của đá mẹ đối với việc hình thành đất?

- A. Nguồn cung cấp vật chất vô cơ.                      B. Nguồn cung cấp vật chất hữu cơ.  
C. Quyết định thành phần khoáng vật.                      D. Quyết định thành phần cơ giới.





C. Rừng cận nhiệt ẩm.

D. Rừng lá rộng và rừng hỗn hợp.

**Câu 20.** Kiểu thảm thực vật nào sau đây phân bố ở nơi có kiểu khí hậu cận nhiệt Địa Trung Hải?

A. Rừng lá rộng và rừng hỗn hợp.

B. Rừng và cây bụi lá cứng cận nhiệt.

C. Rừng cận nhiệt ẩm.

D. Rừng nhiệt đới ẩm.

**\* Vận dụng**

**Câu 1.** Sông nằm trong khu vực xích đạo thường có nhiều nước

A. vào mùa hạ.

B. vào mùa xuân.

C. quanh năm.

D. theo mùa.

**Câu 2.** Nguồn cung cấp nước cho sông ở hoang mạc chủ yếu là

A. nước mặt.

B. nước ngầm.

C. băng tuyết.

D. nước mưa.

**Câu 3.** Dòng biển nào sau đây chảy ở bờ đông lục địa Nam Mỹ?

A. Dòng biển Bra-xin.

B. Dòng biển Pê-ru.

C. Dòng biển A-la-xca.

D. Dòng biển Ca-li-phooc-ni-a.

**Câu 4.** Dòng biển nào sau đây chảy ở bờ tây lục địa Ô-xtrây-li-a?

A. Dòng biển Guya-na.

B. Dòng biển Xô-ma-li.

C. Dòng biển Ca-li-phooc-ni-a.

D. Dòng biển Tây Ô-xtrây-li-a.

**Câu 5.** Cho bảng số liệu:

**Lưu lượng dòng chảy tháng tại trạm Yên Thượng trên sông Cả**

(Đơn vị:  $m^3/s$ )

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	215	169	150	147	275	419	560	918	1358	1119	561	295

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính lưu lượng dòng chảy trung bình năm tại trạm Yên Thượng trên sông Cả (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của  $m^3/s$ ).

A. 515.

B. 516.

C. 514.

D. 517.

**Câu 6:** Cho bảng số liệu sau, hãy cho biết nhân tố nào chủ yếu làm thay đổi hiện trạng rừng ở Việt Nam giai đoạn 1943 – 2021?

Năm	Tổng diện tích có rừng (triệu ha)	Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha)	Diện tích rừng trồng (triệu ha)	Độ che phủ (%)
1943	14,3	14,3	0	43,0
2005	12,7	10,2	2,5	38,0
2021	14,7	10,2	4,5	42,0

(Nguồn: Quyết định số 2860/QĐ-BNN-TCLN)

A. Khí hậu.

B. Con người.

C. Sinh vật.

D. Địa hình.

**2. Trắc nghiệm Đúng/ Sai**

**Câu 1:** Cho thông tin sau:

Khác với lũ ở đồng bằng sông Cửu Long vốn hiền hòa theo mùa, hoặc lũ do sông lớn dâng nước như ở đồng bằng sông Hồng, lũ miền Trung mang đặc trưng lên nhanh – xuống nhanh – tàn phá mạnh, gắn liền với mưa lớn cục đoạn, địa hình chia cắt và sự tổn thương của các vùng dân cư ven sườn núi. Trong nhiều thập kỷ, người dân miền Trung đã phải gánh chịu

những trận lũ đau thương, từ lũ quét, sạt lở đất đến ngập sâu kéo dài ở vùng hạ du.

(Nguồn: <https://tlus.edu.vn/>)

- a) Chế độ nước sông miền Trung khá điều hoà.
- b) Lũ các sông miền Trung lên nhanh là do địa hình bằng phẳng.
- c) Nguồn cung cấp nước cho sông miền Trung chủ yếu là băng tuyết.
- d) Mùa lũ của sông miền Trung thường trùng với mùa mưa bão.

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Biển, đại dương có vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội; là nơi cung cấp tài nguyên sinh vật, tài nguyên khoáng sản, nguồn năng lượng; có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành hàng hải, du lịch; là môi trường sống có nhiều tác động tích cực đối với sức khoẻ con người.

- a) Khoáng sản quý giá do biển mang lại là dầu khí.
- b) Biển và đại dương cho phép phát triển ngành đánh bắt, nuôi trồng hải sản.
- c) Về mặt môi trường biển và đại dương giúp điều hoà khí hậu.
- d) Năng lượng tái tạo từ biển là mặt trời và địa nhiệt.

**Câu 3.** Cho thông tin sau:

Nhiệt và ẩm ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành đất. Tác động của nhiệt và ẩm làm cho đá bị phá huỷ thành những sản phẩm phong hoá. Những sản phẩm này sẽ tiếp tục bị phong hoá thành đất.

- a) Khí hậu có vai trò rất quan trọng trong quá trình hình thành đất.
- b) Khí hậu tác động đến sự hình thành đất qua yếu tố nhiệt, ẩm.
- c) Khí hậu được coi là nhân tố khởi đầu cho sự hình thành đất.
- d) Trên Trái đất có nhiều loại đất do khí hậu phân hoá đa dạng.

### 3. Tự luận

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

#### Lưu lượng dòng chảy tháng tại trạm Yên Thượng trên sông Cả

(Đơn vị:  $m^3/s$ )

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	215	169	150	147	275	419	560	918	1358	1119	561	295

- Dựa vào bảng số liệu, vẽ biểu đồ đường biểu diễn thể hiện lưu lượng trung bình năm và lưu lượng nước trung bình tháng của sông Cả.
- Dựa vào kiến thức đã học, tính lưu lượng nước trung bình của sông Cả. Xác định các tháng mùa lũ, mùa cạn.

**Câu 2.** So sánh sự khác nhau giữa dòng biển nóng và dòng biển lạnh. Nêu ví dụ minh họa cho từng loại.

**Câu 3.** Trên lục địa, nước ngầm có điểm gì đặc biệt so với nước mặt? Nước ngầm hình thành phụ thuộc vào những yếu tố nào?

**Câu 4.** Hãy cho biết biển hồ Tonlesap ở Campuchia có vai trò gì đối với thủy chế của sông Cửu Long? Giải thích.